

Bản án số: 68/2023/HS - ST.

Ngày: 30/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thuận Sơn và ông Võ Văn Chí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa: Ông Lê Thế Thanh, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 56/2023/HSST ngày 12 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXX-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Lê Thế Đ; tên gọi khác: Không; sinh ngày 18 tháng 01 năm 1988, tại huyện L, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn X, xã L, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Thế B, sinh năm 1946; con bà Ngô Thị Hải V, sinh năm 1949; vợ: Trần Thị V, sinh năm 1988; con: Có 01 con sinh năm 2010; tiền án: Không; Tiền sự: Có 01 tiền sự:

Ngày 23/01/2023 bị Công an huyện Lệ Thủy xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/7/2023, cho đến nay, có mặt.

2. Võ Đình B; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 11 năm 1989, tại huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố P, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ Đình T, sinh năm 1963 con bà Dương Thị Đ, sinh năm 1965; vợ: Huỳnh Thị Kim B, sinh năm 1986; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2017 nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án; tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 07/6/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 24 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” Đã chấp hành xong hình phạt.

- Ngày 29/5/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Lệ T, tỉnh Quảng Bình xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” Đã chấp hành xong hình phạt.

- Ngày 23/7/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” Đã chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/7/2023, cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt

- Người liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

2. Anh Lê Quang T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

3. Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

4. Chị Trần Thị H, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

5. Bà Ngô Thị Hải V, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Người làm chứng:

5. Anh Nguyễn Cao V, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện Lệ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 12/5/2023, Lê Thế Đ ở thôn X, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Sirius màu đen trắng, BKS 73H1 - 146.21 đến nhà Võ Đình B ở tổ dân phố P, thị trấn K để rủ B đi chơi. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô chở B đi đến thôn N, xã N thì thấy một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER, màu sơn đen- vàng, BKS 73H1 - 084.93 của bà Nguyễn Thị L ở thôn N, xã N dựng ở bên đường, chìa khóa cắm ở ổ khóa, ở gần có 01 xe ba gác. Lúc này, Đ dừng xe lại và bảo B xuống lấy trộm xe mô tô trên để đi bán lấy tiền ăn nhậu, B đồng ý và đi bộ đến lấy trộm xe mô tô BKS 73H1 - 084.93. Sau đó, B điều khiển xe mô tô vừa lấy trộm được còn Đ điều khiển xe mô tô BKS 73H1 - 146.21 cùng chạy đến quán sửa xe của Nguyễn Văn T ở thôn Đ, xã P để bán xe. Khi gặp T, Đ nói muốn bán chiếc xe không có giấy tờ, T hỏi xe của ai thì B trả lời là xe của B, T nói xe không có giấy tờ thì chỉ mua được 700.000 đồng, Đ và B đồng ý bán và lấy 700.000 đồng rồi cùng nhau đi ăn nhậu.

Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Lệ Thủy, định giá và kết luận: xe mô tô BKS 73H1- 084.93, nhãn hiệu Yamaha, số loại Jupiter, màu sơn đen vàng, có giá trị 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng)

Việc tạm giữ, thu giữ và xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lệ Thủy tiến hành tạm giữ:

- 01 xe mô tô BKS 73H1 - 146.21, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn đen trắng;

- 01 xe mô tô BKS 73H1 - 084.93, nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu sơn đen vàng, xe mô tô không có biển kiểm soát.

Ngày 13/7/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô BKS 73H1- 084.93, nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu sơn đen vàng, xe mô tô không có biển kiểm soát, cho bà Nguyễn Thị L, là chủ sở hữu.

Về dân sự: Các bị cáo Lê Thế Đ, Võ Đình B đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 3.100.000 đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng) theo yêu cầu, bà Nguyễn Thị L đã nhận đủ số tiền trên và làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Riêng xe mô tô BKS 73H1 - 146.21, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn đen trắng cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục tạm giữ và chuyển theo hồ sơ vụ án.

Bản Cáo trạng số 55/CT- VKSNDLT ngày 11/9/2023, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy đã truy các tổ bị cáo Lê Thế Đ và Võ Đình B về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Qua tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự; xử phạt Lê Thế Đ từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự; xử phạt Võ Đình B 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị xem xét

Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đề nghị trả lại cho bà Ngô Thị Hải V (mẹ bị cáo Đ) 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen trắng, BKS 73H1- 146.21;

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo có ý kiến đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lệ Thủy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành

vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Chứng cứ xác định có tội và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thế Đ và Võ Đình B đã khai nhận tất cả hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan điều tra. Do muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị L. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra đã thu thập, đủ cơ sở kết luận:

Ngày 12/5/2023, tại thôn N, xã N, các bị cáo Lê Thế Đ và Võ Đình B đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị L ở thôn N, xã N 01 xe mô tô BKS 73H1 - 084.93, trị giá 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng). Hành vi của các bị cáo Lê Thế Đ và Võ Đình B đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy và luận tội của Kiểm sát viên truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo: Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo Lê Thế Đ và Võ Đình B là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe nhưng lười lao động, lén lút trộm cắp tài sản của bà Loạn.

Đối với bị cáo Lê Thế Đ: Là người trực tiếp dùng xe mô tô BKS 73H1- 146. 21 của mình rủ bị cáo B thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà L. Số tiền bán được Đ là người cầm tiền và cả hai đã sử dụng hết số tiền bán xe mô tô.

Đối với bị cáo Võ Đình B: Khi được bị cáo Đ chở đi trộm cắp tài sản, bị cáo đã đồng ý ngồi lên xe mô tô của Đ để đi trộm cắp tài sản, sau khi bán được tài sản B đã cùng Đ ăn nhậu hết.

[4]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Trong quá trình nghiên cứu toàn bộ nội dung vụ án cũng như xét hỏi công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với bị cáo Lê Thế Đ: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại; luôn tỏ thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra bị cáo có bố đẻ, mẹ đẻ được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến, Huy chương kháng chiến trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Võ Đình B: Bị cáo luôn tỏ thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội đã tự nguyện khắc phục hậu quả. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là các tình tiết quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Lê Thế Đ và Võ Đình B có nhân thân xấu, Võ Đình B trước đây đã từng bị xử lý hình sự về hành vi Trộm cắp tài sản và hành vi Cường đoạt tài sản; Lê Thế Đ đã bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo Bàng có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Đạt có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định

tại các điểm b, i, s khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo B, nhưng bị cáo Đ là người rủ rê bị cáo B trộm cắp, dùng xe mô tô chở B đi trộm cắp, số tiền bán tài sản Đ lấy và cả 2 bị cáo chi tiêu chung. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo Lê Thế Đ và Võ Đình B mức hình phạt tương đương nhau.

Xét các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản với mục đích kiếm tiền ăn nhậu, suy nghĩ đơn giản, hoàn cảnh các bị cáo khó khăn, Lê Thế Đ có bố bị bệnh hiểm nghèo, mẹ già yếu. Võ Đình B hiện tại nuôi dưỡng đang nuôi con còn nhỏ, vợ bỏ đi (có xác nhận của chính quyền địa phương). Giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp không lớn. Vì vậy, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng các tình tiết trên để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật. Mặt khác, Hội đồng xét xử thấy cũng chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục là vừa phải, tạo điều kiện cho bị cáo được tự cải tạo rèn luyện bản thân trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, là phù hợp với quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự, cũng như phù hợp với ý kiến, phân tích, đánh giá của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Qua xét hỏi thấy các bị cáo không có công việc ổn định, thu nhập thấp cần miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[5] Đối với Nguyễn Văn T là người mua lại xe mô tô BKS: 73H1-084.93 nhưng T không biết xe mô tô trên do trộm cắp mà có nên không phạm tội.

[6] Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lệ Thủy đã tạm giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen trắng, BKS 73H1- 146.21; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lê Quang T.

Vật chứng này được xử lý như sau:

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen trắng, BKS 73H1- 146.21; tại phiên tòa bà Ngô Thị Hải V (mẹ đẻ của bị cáo Đ) trình bày: Chiếc xe là tài sản của bà bỏ tiền ra mua lại của anh Nguyễn Công T ở xã Mỹ T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, bà cho Đ mượn để đi lại, việc Đ dùng chiếc xe này để làm phương tiện trộm cắp bà hoàn toàn không biết. Nay cơ quan Điều tra đã thu giữ bà đề nghị cho bà được nhận lại chiếc xe để bà làm phương tiện phục vụ cuộc sống.

Qua trình bày của bà V, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị L đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[9] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 173 Bộ luật hình sự: Tuyên bố các bị cáo Lê Thế Đ, Võ Đình B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thế Đ 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Lê Thế Đ cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Võ Đình B18 (mười tám) tháng Cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Võ Đình B18 cho Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình, nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo

Thời hạn thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo kể từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Trong trường hợp người chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ vắng mặt, thay đổi nơi cư trú hoặc làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự xử: Trả lại cho bà Ngô Thị Hải V 01xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen trắng, BKS 73H1- 146.21;

Vật chứng nêu trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, có số lượng, đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/9/2023 giữa Công an huyện Lệ Thủy và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

4. Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử bị cáo Lê Thế Đ và Võ Đình B mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/9/2023); các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Lệ Thủy;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- Chi cục THA h. Lệ Thủy;
- Những người TGGT khác;
- UB xã L;
- UBTT K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**CÁC THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

